

### I - ĐẶC ĐIỂM CỦA THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thị trường thế giới hiện nay là một hệ thống toàn cầu, ngày càng phức tạp. Sự phát triển của nền kinh tế đã làm cho thị trường thế giới ngày càng tỏ ra chật hẹp đối với các nước phát triển. Trong nhiều năm qua, thị trường thế giới có nhiều biến động. Sự sa sút của nền kinh tế thế giới phản ánh ở sự suy giảm trong giá trị xuất khẩu của hầu hết các mặt hàng trên thế giới.

Công nghệ thông tin đã làm xuất hiện loại hình thương mại, dịch vụ điện tử. Tuy nhiên, sự phát triển quá nhanh của công nghệ thông tin và sau đó là sự suy giảm của lĩnh vực kinh doanh này đã làm cho nhóm hàng thiết bị văn phòng và viễn thông bị giảm mạnh nhất.

Các nước tư bản phát triển đang kiểm soát tình hình thị trường thế giới do các nước này chiếm tỉ trọng cao cả về xuất khẩu và nhập khẩu của toàn thế giới.

Những cường quốc về xuất khẩu và nhập khẩu chi phối rất mạnh nền kinh tế thế giới và đồng tiền của các nước này là những *ngoại tệ mạnh* trong hệ thống tiền tệ thế giới. Đó là đồng Đô la Mi, đồng Orò, đồng Bảng Anh (trước kia còn có đồng Frăng của Pháp, Mác của Đức...), đồng Yên của Nhật Bản.

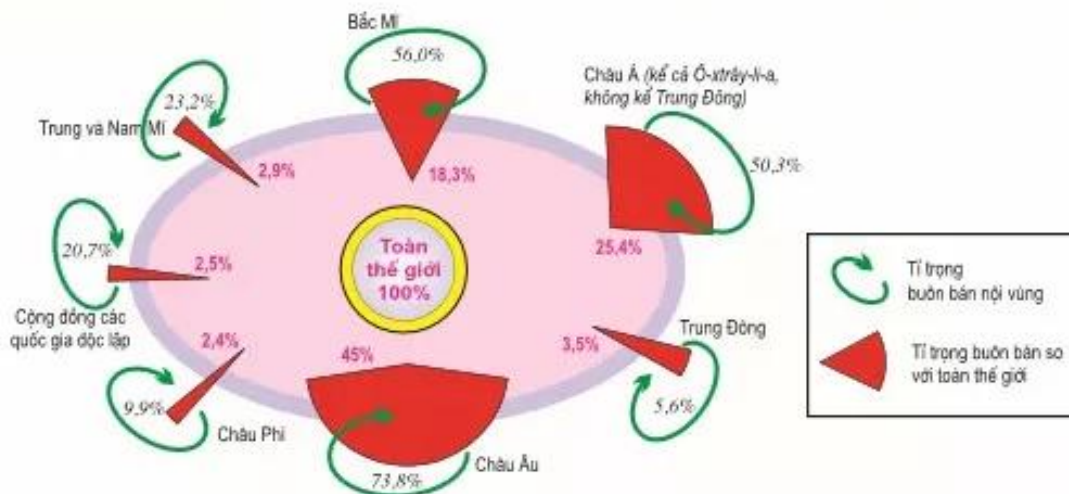
Trong buôn bán trên thế giới, các luồng hàng xuất nhập khẩu của các nước tư bản phát triển chiếm tỉ trọng lớn nhất và việc buôn bán giữa các nước tư bản phát triển với nhau cũng chiếm tỉ trọng lớn. Riêng ở châu Âu, 73,8% (năm 2004) giá trị ngoại thương là thực hiện giữa các nước này với nhau. Ở Bắc Mỹ, tỉ lệ này là 56%, còn ở châu Á là 50,3%. Trị giá buôn bán giữa các nước Bắc Mỹ và châu Âu chiếm tới 63,3% giá trị buôn bán toàn thế giới.

Trong cơ cấu hàng xuất khẩu trên thế giới, chiếm tỉ trọng ngày càng cao là các sản phẩm công nghiệp chế biến ; các mặt hàng nông sản có xu hướng giảm tỉ trọng, do những thành tựu nông nghiệp đã giải quyết tốt hơn nhu cầu lương thực, thực phẩm ở nhiều khu vực trước kia phải nhập khẩu nhiều nông sản.

**Bảng 54.1. Tỷ trọng của một số khu vực và một số nước trong xuất khẩu và nhập khẩu trên thế giới, năm 2004**

(Đơn vị : %)

| Khu vực, quốc gia                                | Xuất khẩu    | Nhập khẩu    |
|--|--------------|--------------|
| <b>Toàn thế giới</b>                             | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> |
| Bắc Mỹ   | 14,9         | 21,8         |
| Trung Mỹ và Nam Mỹ                               | 3,1          | 2,6          |
| Châu Âu  | 45,3         | 44,8         |
| <i>Liên minh châu Âu (25)</i>                    | 41,7         | 41,0         |
| <i>Cộng đồng các quốc gia độc lập</i>            | 3,0          | 1,9          |
| Châu Phi   | 2,6          | 2,3          |
| Trung Đông                                       | 4,4          | 2,7          |
| Châu Á (kể cả Ô-xtrây-li-a, không kể Trung Đông) | 26,8         | 24,0         |
| <i>Hoa Kỳ</i>                                    | 9,2          | 16,5         |
| <i>Trung Quốc</i>                                | 6,7          | 6,1          |
| <i>Nhật Bản</i>                                  | 6,4          | 4,9          |
| <i>ASEAN (10)</i>                                | 6,2          | 5,4          |



**Hình 54** - Tỷ trọng buôn bán hàng hoá giữa các vùng và bên trong các vùng, năm 2004 (theo WTO)

■ Phân tích hình 54, cho biết vai trò của thị trường châu Âu trong buôn bán toàn thế giới.

## II - CÁC TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI TRÊN THẾ GIỚI

Trong xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới, Tổ chức thương mại thế giới (*World Trade Organisation - WTO*) ngày càng kết nạp nhiều thành viên và đã trở thành tổ chức thương mại lớn nhất.

Tổ chức thương mại thế giới WTO được thành lập ngày 1-1-1995, tiền thân là GATT (Hiệp định chung về thuế quan và thương mại). WTO có 150 thành viên, Việt Nam là thành viên thứ 150 (được kết nạp tháng 12 - 2006 và trở thành thành viên chính thức tháng 01 - 2007). WTO là một tổ chức để thảo luận, đàm phán và giải quyết những vấn đề thương mại, bao gồm hàng hoá, dịch vụ và sở hữu trí tuệ. Chức năng cơ bản của WTO là :

- Quản lý và thực hiện các hiệp định đa phương và nhiều bên tạo nên tổ chức này.
- Làm diễn đàn cho các cuộc đàm phán thương mại đa phương.
- Giải quyết tranh chấp thương mại.
- Giám sát chính sách thương mại quốc gia.
- Hợp tác với các tổ chức quốc tế khác liên quan đến hoạch định chính sách kinh tế toàn cầu.

**Bảng 54.2. Các khối liên minh khu vực, năm 2004**

|          |   |
|----------|---|
| ANDEAN   | Bô-li-vi-a, Cô-lôm-bi-a, Ê-cu-a-đo, Pê-ru và Vê-nê-xu-ê-la.   |
| APEC     | Ô-xtrây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Trung Quốc, Hồng Kông, In-đô-nê-xi-a, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Pa-pua Niu Ghi-nê, Pê-ru, Phi-lip-pin, LB Nga, Xin-ga-po, Đài Loan, Thái Lan, Hoa Kì và Việt Nam.                   |
| ASEAN    | Bru-nây, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Lào, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan và Việt Nam.  |
| CEFTA    | Bun-ga-ri, Séc, Hung-ga-ri, Ba Lan, Ru-ma-ni, Xi-lô-ve-ni-a và Xi-lô-va-ki-a.   |
| EU       | Áo, Bỉ, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Đức, Hi Lạp, Ai-len, I-ta-li-a, Luc-xem-bua, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Anh, CH Sec, Hung-ga-ri, Ba Lan, Xi-lô-va-ki-a, Lit-va, Lat-vi-a, Xi-lô-ve-ni-a, E-xtô-ni-a, Man-ta, Síp, Bun-ga-ri, Ru-ma-ni. |
| MERCOSUR | Ác-hen-ti-na, Bra-xin, Pa-ra-guay và U-ru-guay.   |
| NAFTA    | Ca-na-đa, Hoa Kì và Mê-hi-cô.   |
| SAPTA    | Băng-la-đet, Bu-tan, Ấn Độ, Man-đi-vo, Nê-pan, Pa-ki-xtan và Xri Lan-ca.  |